

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/HS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng và ông Bùi Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phú Nhuận - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57A/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 13/2025/TB - TA ngày 29/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2025/QĐ- TA ngày 09/6/2025 đối với:

* Bị cáo: **Lê Ngọc H**, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1983 tại K, tỉnh Thái Bình; Nơi thường trú: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: số H, đường L, tổ G, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Ngọc T sinh năm 1948 và con bà Nguyễn Thị S sinh năm 1959; Có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986 và Con: có 03 con; lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: năm 2002 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 88 Trung đoàn 134 đến năm 2005 xuất ngũ về địa phương. Từ năm 2005 đến năm 2010 lao động tại Malaysia. Từ 2010 đến nay lao động tự do tại Hà Nội, Yên Bái và làm Giám đốc tại Công ty T7. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* Những người làm chứng: Chị Nhâm Thị Thu T1 sinh năm 1986 trú tại tổ E, phường L, thành phố T; Chị Trần Thị Huyền T2 sinh năm 1990 trú tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; chị Phạm Thị O sinh năm 1995 trú tại thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T7 (viết tắt Công ty Trăm tường) mã số doanh nghiệp A1, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình hoạt động kinh doanh sản xuất dụng cụ thể thao, gia công các chi tiết, thiết bị và dụng cụ thể thao bằng mọi loại chất liệu cho một số công ty theo hợp đồng kinh doanh. Lê Ngọc H được thuê đứng tên làm Giám đốc đại diện theo pháp luật đăng ký thành lập công ty và thực hiện việc ký các thủ tục liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty T7 với mức lương 5 triệu đồng/tháng. Ngày 08/5/2023, Công ty T7 được Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp giấy chứng nhận thay đổi đăng ký lần thứ nhất, nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Lê Ngọc H sang ông Trần Thanh T3 sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình là Giám đốc (T3 do Wang D Heng tên phiên dịch Vương Đoan H2, sinh năm 1972, quốc tịch Trung Quốc là chủ đầu tư mới điều hành Công ty T7 thuê với mức lương 5 triệu đồng/tháng).

Trong thời gian Lê Ngọc H làm Giám đốc Công ty T7, khi đến kỳ quyết toán thuế cần hóa đơn Giá trị gia tăng (viết tắt GTGT) để kê khai thuế đầu vào, H liên hệ qua điện thoại rồi mua hoá đơn GTGT bằng tiền mặt bằng 4%/giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn GTGT. H và người bán hóa đơn GTGT thống nhất về nội dung ghi trên hóa đơn, sau đó người bán hóa đơn gửi file hóa đơn cho H, H lại chuyển file hóa đơn cho bà chị Nhâm Thị Thu T1 là Kế toán Công ty để kê khai thuế. Đề xuất bán hóa đơn không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo và để tránh cơ quan thuế phát hiện, H và bên bán hàng phải thanh toán tiền qua tài khoản Công ty bán hoá đơn bằng 100% số tiền ghi trên hoá đơn, sau đó hai bên thống nhất với nhau sẽ gặp nhau tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh T để bên bán rút tiền bằng số tiền Công ty Trăm tường đã chuyển trả lại cho H, Hà nhập số tiền này vào tài khoản của Công ty T7. Từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2022, H đã thực hiện mua tổng số 30 số hóa đơn GTGT không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo của 05 công ty (gồm 10 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH S2; 05 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH V; 08 số hóa đơn GTGT của Công ty S3; 06 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T8; 01 số hóa đơn GTGT của Công ty cổ phần S4) với tổng 20.255.451.500 đồng, tiền thuế GTGT là 1.985.386.968 đồng, tổng thành tiền là 22.240.838.468 đồng. 05 công ty bán hoá đơn GTGT cho Công ty T7 hiện tại không hoạt động tại địa điểm kinh doanh, không đăng ký ngành nghề đối với hàng hoá đã bán cho Công ty T7 và không biết đang ở đâu; các Giám đốc người đại diện theo pháp luật theo đăng ký kinh doanh của các công ty này đều không tham gia vào hoạt động của công ty. T4 bỏ số hoá đơn GTGT này, Công ty T7 đã kê khai hàng hoá đầu vào để khấu trừ thuế vào Quý II, IV/2021, Quý I, II, III, IV/2022. Công ty T9 tường đã trốn tổng số 1.824.754.240 đồng tiền thuế.

Bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 04/4/2025 truy tố bị cáo Lê Ngọc H về tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc H về tội “Trốn thuế”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo H từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

Về trách nhiệm dân sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền bị cáo H đã trốn thuế là 1.824.754.240 đồng. Quá trình điều tra, và tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo H đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000.000 đồng, bị cáo tiếp tục phải nộp số tiền trốn thuế còn lại là 824.754.240 đồng

- Về xử lý vật chứng: Không thu giữ gì nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, bị cáo rất ăn năn hối cải, bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã xác định. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như: Các công văn trả lời của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh T; Các công văn trả lời của C1, Các biên bản xác minh và biên bản làm việc, bản kết luận giám định tư pháp ngày 05/7/2024...cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2022, Lê Ngọc H, Giám đốc Công ty T7 mua 30 số hóa đơn GTGT không có hàng

hoá dịch vụ kèm theo của 05 công ty và sử dụng số hoá đơn này để kê khai hàng hoá mua vào tại tờ khai thuế GTGT báo cáo thuế và đã được khấu trừ thuế GTGT mua vào tại kỳ kê khai Quý II, IV/2021, Quý I, II, III, IV/2022, Công ty Trạm tường đã trốn 1.824.754.240 đồng tiền thuế GTGT.

Vì vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Ngọc H về tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Điều luật quy định như sau:

Điều 200. Tội trốn thuế

“.....

3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

...”

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, nhận thức được việc trốn thuế của mình bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế, gây thất thu ngân sách nhà nước; ảnh hưởng xấu đến tình hình phát triển kinh tế, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự thú; thành khẩn khai báo; nộp 1 tỷ đồng để khắc phục hậu quả; có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo H được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân hiện lao động tự do công việc không ổn định, phải nuôi 03 con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Tổng số tiền bị cáo H đã trốn thuế là 1.824.754.240 đồng. Quá trình điều tra và tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo H đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền trốn thuế còn lại là 824.754.240 đồng. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền còn lại mà bị cáo trốn thuế.

[7] Các nội dung khác liên quan đến vụ án:

+ Đối với chị Nhâm Thị Thu T1 sinh năm 1986 trú tại tổ E, phường L, thành phố T là kế toán thuế; chị Trần Thị Huyền T2 sinh năm 1990 trú tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình là kế toán Công ty T7 không biết việc Lê Ngọc H mua 30 số hoá đơn giá trị gia tăng không có hàng hoá dịch vụ kèm theo đã sử dụng số hoá đơn này kê khai thuế khấu trừ thuế đầu vào nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

+ Đối với ông L là chủ thực sự của Công ty T7 thuê H làm Giám đốc đứng ra làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty T7 với mức lượng 5 triệu đồng. Ông L hiện đang ở Trung Quốc đã tiến hành tương trợ tư pháp Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa xác minh lý lịch và ghi lời khai LiuBo liên quan các nội dung vụ án. Ngày 21/2/2025 Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa nhân dân T10 trả lời: LiuBo không thừa nhận việc thuê H làm Giám đốc người đại diện theo pháp luật và đứng ra làm các thủ tục thành lập Công ty T7 cũng như chỉ đạo Lê Ngọc H mua trái phép số hóa đơn cho Công ty T7. Ông L khai việc mua bán hoá đơn do ông Zhu C (tên phiên dịch Chu Trường H3) người tỉnh Giang Tây Trung Quốc và Lê Ngọc H thực hiện. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Chu Trường H3 để làm việc nhưng không được. Hiện nay chưa xác định Chu Trường H3 làm gì ở đâu. Thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra tách tài liệu ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

+ Đối với các Công ty bán hóa đơn GTGT cho Công ty T7 không có hàng hoá dịch vụ kèm theo, gồm: Công ty S2 theo hồ sơ đăng ký kinh doanh ông Trần Văn A, sinh năm 1997, trú tại xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An làm Giám đốc; Công ty V theo hồ sơ đăng ký kinh doanh ông Võ Thành Đ sinh năm 1997, trú tại Ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh, bà Lý Mỹ N sinh năm 1991 trú tại số C G, phường C, quận F, thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc; Công ty S3 theo hồ sơ đăng ký kinh doanh bà Phan Kim Hậu S1 năm 1987 trú tại 76/109 đường B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc, Công ty T8 theo hồ sơ đăng ký kinh doanh ông Trần Trung H4 sinh năm 1997 trú tại 6 P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương làm Giám đốc; Công ty S4 theo hồ sơ đăng ký kinh doanh ông Phạm Như T5 sinh năm 1983, trú tại xóm H (nay là xóm E), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định làm Giám đốc. Qua điều

tra các công ty không còn hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh, đã triệu tập, xác minh không làm việc được bà Phan Kim H5, ông Phạm Như T5, ông Trần Văn A. Ông Võ Thành Đ, bà Lý Mỹ N, ông Trần Trung H4 khai không thành lập công ty nào, không biết, không tham gia hoạt động đối với Công ty V, Công ty T8 và không quen biết ông L, Lê Ngọc H và không có chứng cứ khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

+ Đối với đơn kiến nghị của bị can Lê Ngọc H về hành vi của anh Nguyễn Khắc D1 cán bộ Phòng An ninh Kinh tế. Hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra quyết định tách vụ án cùng các tài liệu để giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Đối với đơn tố cáo của chị Nhâm Thị Thu T1, sinh năm 1986, trú tại số nhà E, ngõ E, đường T, tổ E, phường L, thành phố T và chị Trần Thị Huyền T2, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, tố cáo việc cán bộ Chi cục C1 T6 nhận tiền của Công ty T7 để bỏ qua một số lỗi vi phạm trong quá trình kiểm tra. Hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh T quyết định tách vụ án và các tài liệu để giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 200; điểm r, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc H phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2025. Giao bị cáo Lê Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.824.754.240 đồng mà bị cáo H đã trốn thuế. Đối trừ số tiền bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng tại giai đoạn điều tra và số tiền 900.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số

0000193 ngày 04/6/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo tiếp tục phải nộp số tiền 824.754.240 đồng vào Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 19/6/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Ngô Thế Tương